

Án số: 110/2018/HS-ST
Ngày 21/11/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Toàn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tuấn và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án ND huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:

Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 113/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018, đối với:

* ***Bi cáo:*** Họ và tên: **BÙI DOÃN B**, sinh năm 1972.

TQ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Doãn M và bà Đoàn Thị Đ (đều đã chết); Có vợ là Bùi Thị N (đã ly hôn) và 1 con.

Tiền sử: Không;

Tiền án: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tỉnh Bình Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*; Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xử phạt 9 tháng tù về tội *Trộm cắp tài sản*.

Bị bắt tạm giam từ ngày 30/8/2018. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn V, xã N, huyện T, Thái Bình. (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 30/8/2018, Bùi Doãn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 17H1- 8863 đang đi trên đường đê thuộc thôn V, xã N, huyện T thì phát hiện trên đê có nhiều thanh sắt của gia đình anh Nguyễn Văn T, không có người trông

coi. B dừng xe, quan sát thấy vắng người. B lấy một thanh sắt hình chữ V kích thước 4x4x400 cm vác lên vai, nổ máy xe phóng đi. Anh T phát hiện, hô hoán rồi nổ máy xe đuổi theo. B vút lại thanh sắt bỏ chạy, được một đoạn thì bị anh T và Công an xã Thụy Ninh bắt giữ, quản lý của B 1 chiếc điện thoại di động đã cũ và 1 xe mô tô.

Theo kết luận định giá tài sản, thanh sắt B trộm cắp trị giá 45.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại thanh sắt trên cho anh T, trả lại cho B chiếc điện thoại (anh trai B nhận thay).

Bản cáo trạng số 112/CT-VKS ngày 01/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Bùi Doãn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 B luật hình sự.

Tại phiên tòa, B đã khai nhận toàn B hành vi trộm cắp nêu trên.

Luận tội của Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 điều 51, Điều 38; Điều 50 B luật Hình sự: Xử phạt bị cáo mức án từ 6 tháng đến 9 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung, không đặt ra giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí.

Bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không tranh luận.

Nói lời sau cùng, bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của bản thân và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Lời khai của anh T (bị hại); Báo cáo của Ban Công an xã Thụy Ninh, Biên bản giao người và tang vật; Bản kết luận định giá tài sản; Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo nhận thức được việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân và tâm lý lo lắng cho các chủ tài sản trong việc trông coi quản lý tài sản của mình.

[5] Tuy bị cáo trộm cắp tài sản trị giá 45.000 đồng (dưới 2 triệu đồng). Song bị cáo đã có tiền án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nên đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

... b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[6] Bị cáo thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Bị cáo đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để nghiêm túc sửa chữa, không chịu lao động để tạo ra thu nhập cho bản thân, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật; Cần xem xét áp dụng mức hình phạt tương xứng để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, góp phần đấu tranh, phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Do bị cáo không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận lại thanh sắt, không yêu cầu bồi thường gì khác cần được chấp nhận.

[10] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Chiếc điện thoại là tài sản của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Doãn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo **Bùi Doãn B 9 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt, ngày 30/8/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc anh Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản nào khác.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 1 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 17H1- 8863 có đặc điểm ghi trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy.

5. Về án phí: Bị cáo Bùi Doãn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 21/11/2018. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Thái Thụy;
- Trại tạm giam Thái Bình;
- Công an Thái Thụy;
- Chi cục THADS Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu HCTP;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lưu Toàn Nghĩa